Phụ lục 14
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
PHƯỜNG VĨNH THÔNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 10, 12, 13, 14, 10, 21, 22, 25, 26, 30, 27, 28, 29, 35, 36, 40, 43, 45, 46, 48, 49, 54, 56, 57, 58, 59, 60, 62, 66, 80, 105, 106, 107 Phụ lục 14 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL14 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	10	Nguyễn Chánh:		
		- Từ Mạc Thiên Tích - La Văn Cầu	1.400	Sửa tên đường (Tên cũ: Nguyễn Chánh: Từ La Văn Cầu - Mạc Thiên Tích)
	30	- Từ Trần Văn Tất - kênh Tư Cầu	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Nguyễn Chánh: Từ kênh Tư Cầu - bến đò Tà Mưa)
2	13	Tạ Quang Tỷ: Từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Xã Thạnh Lộc	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Tạ Quang Tỷ: Từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Xã Mong Thọ A)
3	14	Phạm Thành Lượng: Từ kênh Rạch Giá- Long Xuyên - Xã Thạnh Lộc	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Phạm Thành Lượng: Từ kênh Rạch Giá- Long Xuyên - Xã Mong Thọ A)

TT	Số TT PL14 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
4	20	Trần Văn Thái: Từ kênh Năm Liêu - Giáp ranh xã Mỹ Thuận	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Trần Văn Thái: Từ kênh Năm Liêu - Giáp ranh huyện Hòn Đất)
5	21	Nguyễn Văn Tiền: Từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Xã Thạnh Lộc	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Nguyễn Văn Tiền: Từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên - Xã Mong Thọ A)
6	22	Lê Thị Điểu: Từ Văn Tiến Dũng - Giáp xã Thạnh Lộc	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Lê Thị Điểu: Từ Văn Tiến Dũng - Giáp huyện Châu Thành)
7	25	Nguyễn Thị Nghiệp: Từ Văn Tiến Dũng - giáp xã Thạnh Lộc	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Nguyễn Thị Nghiệp: Từ Văn Tiến Dũng - giáp huyện Châu Thành)
8	26	Nguyễn Thị Kiêm: Từ Văn Tiến Dũng - giáp xã Thạnh Lộc	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Nguyễn Thị Kiêm: Từ Văn Tiến Dũng - giáp huyện Châu Thành)
9	27	Phan Thị Hoa: Từ kênh Rạch Giá Long Xuyên - xã Thạnh Lộc	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Phan Thị Hoa: Từ kênh Rạch Giá Long Xuyên - xã Mong Thọ A)
10	28	Bùi Thị Nam: Từ Văn Tiến Dũng - giáp xã Thạnh Lộc	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Bùi Thị Nam: Từ Văn Tiến Dũng - giáp huyện Châu Thành)
11	29	Văn Tiến Dũng		
		- Từ kênh đường Trâu - kênh Cây Sao	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Văn Tiến Dũng: Từ kênh đường Trâu - kênh Cây Sao)
		- Từ kênh Cây Sao - Giáp ranh phường Rạch Giá	1.400	Sửa tên đường (Tên cũ: Văn Tiến Dũng: Từ kênh Cây Sao - Lâm Thị Chi)

TT	Số TT PL14 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
12	35	Đường Đoàn Kết: Kênh 2 Bá: Từ Văn Tiến Dũng đến xã Thạnh Lộc	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Đoàn Kết: Kênh 2 Bá: Từ Văn Tiến Dũng đến Mong Thọ A)
13	36	Đường Kênh Hai Trung Thành: Từ Ngã Cái đến xã Mỹ Thuận	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Kênh Hai Trung Thành: Từ Ngã Cái đến Hòn Đất)
14	40	Đường Tổ 7 Sóc Suông: Từ Sóc Suông đến giáp xã Thạnh Lộc	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Tổ 7 Sóc Suông: Từ Sóc Suông đến giáp Châu Thành)
15	43	Đường Hồ Đắc Di nối dài: Từ Hồ Đắc Di đến giáp xã Thạnh Lộc	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Hồ Đắc Di nối dài: Từ Hồ Đắc Di đến giáp Châu Thành)
16	45	Đường Kênh Sóc Suông: Từ Văn Tiến Dũng đến xã Thạnh Lộc	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Kênh Sóc Suông: Từ Văn Tiến Dũng đến Châu Thành)
17	46	Đường kênh 5 Quới cũ: Từ Bùi Thị Nam đến xã Thạnh Lộc	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh 5 Quới cũ: Từ Bùi Thị Nam đến Mong Thọ A)
18	48	Đường kênh Cái Ngã: Từ 5 Liêu đến giáp xã Mỹ Thuận	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh Cái Ngã: Từ 5 Liêu đến giáp Hòn Đất)
19	49	Đường kênh Cabaycabay: Từ Ngã Cái đến xã Mỹ Thuận	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh Cabaycabay: Từ Ngã Cái đến Hòn Đất)
20	54	Đường bờ Tây khu phố Hưng Giang: Quốc lộ 80 - Đường 3/2	840	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường bờ Tây ấp Hưng Giang: Quốc lộ 80 - Đường 3/2)
21	56	Đường cống Chín Bài: Khu phố Tân Điền	720	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường cống Chín Bài: Ấp Tân Điền)

TT	Số TT PL14 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
22	57	Đường cống Thầy Xếp khu phố Tân Hưng: Bờ Đông. bờ Tây	840	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường cống Thầy Xếp ấp Tân Hưng: Bờ Đông, bờ Tây)
23	58	Hai bên đường cầu Số 3: Khu phố Tân Hưng. Khu phố Mỹ Hưng	840	Sửa tên đường (Tên cũ: Hai bên đường cầu Số 3: Ấp Tân Hưng, ấp Mỹ Hưng)
24	59	Đường bờ tre khu phố Mỹ Hưng: Quốc lộ 80 - Kênh cũ Tân Điền	720	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường bờ tre ấp Mỹ Hưng: Quốc lộ 80 - Kênh cũ Tân Điền)
25	60	Đường nghĩa địa khu phố Mỹ Hưng: Quốc lộ 80 - kênh cũ Tân Điền	480	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường nghĩa địa ấp Mỹ Hưng: Quốc lộ 80 - kênh cũ Tân Điền)
26	62	Đường kênh Ngã Cái khu phố Mỹ Trung	240	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh Ngã Cái ấp Mỹ Trung)
27	66	Đường nhánh từ QL80 đến kênh Tân Điền: Đường vào trụ sở khu phố Hưng Giang	300	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường nhánh từ QL80 đến kênh Tân Điền: Đường vào trụ sở ấp Hưng Giang)
28	105	Các tuyến đường chưa có tên thuộc địa giới phường Vĩnh Thông cũ		Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường chưa có tên tại khu phố: 1, 2, 3, 4, 6)
		Các tuyến đường có bề rộng đường ≥ 3m	1.680	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)

TT	Số TT PL14 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
		Các tuyến đường có bề rộng đường < 3m	1.120	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
29	106	Các tuyến đường chưa có tên thuộc địa giới xã Phi Thông cũ		Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường chưa có tên tại khu phố: Tà Tây, Sóc Cung, Phú Hòa, Tà Keo Vàm, Tà Keo Ngọn, Trung Thành)
		Các tuyến đường có bề rộng đường ≥ 3m	650	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
		Các tuyến đường có bề rộng đường < 3m	572	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
30	107	Các tuyến đường chưa có tên thuộc địa giới xã Mỹ Lâm cũ		Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường chưa có tên tại khu phố: Hưng Giang, Tân Hưng, Mỹ Trung, Mỹ Bình, Mỹ Thạnh, Tân Điền, Mỹ Hưng)
		Các tuyến đường có bề rộng đường ≥ 3m	330	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)

TT	Số TT PL14 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
		Các tuyến đường có bề rộng đường < 3m	160	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**BỔ SUNG**			
1	12	Võ Văn Kiệt: Từ cầu Rạch Giá 1 - Cầu Rạch Giá 2	3.500	Bổ sung
2	*	Cụm dân cư Vĩnh Thông		
	80	- Đường G	2.800	Bổ sung
III	**HỦY BỎ**			
		Các tuyến còn lại	106	Huỷ bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL14 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**I**	**Thuộc địa giới phường Vĩnh Thông cũ**		**Sửa tên đường (Tên cũ: Khu phố 1, 2, 3, 4, 6)**
II	**II**	**Thuộc địa giới xã Phi Thông cũ**		**Sửa tên đường (Tên cũ: Khu phố: Tà Tây, Sóc Cung, Phú Hòa, Tà Keo Vàm, Tà Keo Ngọn, Trung Thành, Hưng Giang, Tân Hưng, Mỹ Trung, Mỹ Bình, Mỹ Thạnh, Tân Điền, Mỹ Hưng)**